TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/DS-ST
Ngày: 25- 12- 2019
V/v Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT- TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm.

2. Ông Nguyễn Đinh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: Không.

Ngày 25 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2019/TLST- DS ngày 31 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thanh P, sinh 1983. Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Vương Hữu T, sinh 1987. Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long- vắng mặt không lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Hồng Đ. Địa chỉ: Số 114, đường B, Phường 3, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh- vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2019, nguyên đơn Trần Thanh P trình bày:

Ngày 22/4/2018, anh Vương Hữu T nhận của chị Trần Thanh P 98.000.000đ để làm hồ sơ cho chị P đi hợp tác lao động tại Nhật. Việc nhận tiền anh T chỉ làm biên nhận và thỏa thuận bằng lời nói là sau tám tháng chị P sẽ được sang Nhật lao động, nếu quá tám chị P không sang Nhật lao động được thì anh T trả lại số tiền 98.000.000đ. Nhưng đã hơn một năm, chị P vẫn không đi lao động ở Nhật được. Chị P đã nhiều lần gặp anh T để đòi lại số tiền 98.000.000đ. Nhưng anh T cứ hẹn lần lượt không trả chị P 98.000.000đ. Chị P khởi kiện yêu cầu anh T trả 98.000.000đ. Chị P không yêu cầu tính lãi.

Thu thập chứng cứ, bị đơn Vương Hữu T trình bày:

Ngày 22/01/2018, anh T có nhận của chị P 98.000.000đ làm thủ tục cho chị P đi hợp tác lao động ở Nhật. Thời gian thực hiện trong hạn 06 tháng kể từ ngày nhận tiền. Tuy nhiên đến ngày 23/02/2018, chị P nghỉ tết nguyên đán. Đến ngày 26/02/2018 chị P đi Đài Loan. Ngày 10/3/2018, anh T báo cho chị P nhập học tiếng Nhật tại cơ sở của anh Nguyễn Hồng Đ thì chị P không có mặt nhập học. Đến ngày 18/4/2018, chị P từ Đài Loan về nước. Khi về nước lập thủ tục thì chị P không nộp đủ giấy tờ theo yêu cầu nên đơn hàng của chị P bị hủy. Số tiền 98.000.000đ nhận của chị P đã giao anh Nguyễn Hồng Đ để nộp cho Công ty làm thủ tục đi hợp tác lao động. Đơn hàng của chị P bị hủy là do lỗi của chị P là không học tiếng Nhật và không nộp đủ giấy tờ theo yêu cầu. Anh T không lấy tiền của chị P lại được. Nên anh T không đồng ý trả lại chị P 98.000.000đ.

Trong quá trình hòa giải, chị P và anh T đều thừa nhận việc thỏa thuận làm thủ tục cho chị P đi hợp tác lao động chưa ký ký bằng văn bản. Anh Đ có nhận của chị P 15.000.000đ để dạy tiếng Nhật cho chị P. Chị P không học tiếng Nhật nên anh Đ đã trả chị P 15.000.000đ. Chị P có đi Đài Loan, trong thời gian ở Đài Loan anh T có thông báo nộp giấy tờ để lập hợp đồng nhưng chị P không về nước để thực hiện các yêu cầu của anh T.

Tại phiên tòa, chị P xác định số tiền 98.000.000đ là tạm ứng cho anh T để anh T làm thủ tục hợp đồng xuất khẩu lao đông. Chị P vẫn giữ yêu cầu anh T trả 98.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Chị Trần Thanh P khởi kiện anh Vương Hữu T để đòi lại tiền. Anh T có nơi cư trú tại Khóm 3, thị trấn C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết sơ thẩm xác định tranh chấp đòi lại tài sản là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối bị đơn Vương Hữu T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hồng Đ để tham dự phiên tòa.

Nhưng anh T, anh Đ đều vắng mặt không lý do. Nên tiến hành xét xử vắng mặt anh T và anh Đ là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Ngày 22/01/2018, anh T nhận của chị P 98.000.000đ để lập thủ thục cho chị P đi hợp tác lao động ở Nhật là có thật. Bởi, chị P và anh T đều thừa nhận.

2.2. Anh T cho rằng hợp đồng của chị P bị hủy là do lỗi của chị P là chưa có căn cứ chấp nhận. Bởi vì: Tại thời điểm nhận tiền của chị P 22/01/2018, anh T là Giám đốc Công ty HIZASHI không có chức năng xuất khẩu lao động sang Nhật; anh T chỉ thỏa thuận bằng lời nói, chưa ký hợp đồng xuất khẩu lao động bằng văn bản để ràng buộc trách nhiệm của nhau, nên không có căn cứ xác định chị P vi phạm hợp đồng và buộc chị P phải mất số tiền đã giao anh T nhận.

2.3. Thỏa thuận giữa chị P với anh Đ song song với thỏa thuận giữa chị P với anh Đ. Chị P không học tiếng Nhật ở cơ sở của anh Đ, anh Đ đã trả lại chị P 15.000.000đ. Thỏa thuận giữa chị P với anh T không thực hiện được, chị P đòi lại tiền là đúng quy định tại khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự.

2.4. Anh T cho rằng đã giao anh Đ số tiền 98.000.000đ nhận của chị P. Nhưng anh T không cung cấp chứng cứ chứng minh. Nên anh T tự gánh chịu trách nhiệm.

2.5. Tòa án đã bàn giao hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho anh T. Nhưng anh T không tham gia phiên tòa lần thứ hai. Đồng nghĩa với việc, anh T không phản bác yêu cầu khởi kiện của chị P.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, nộp, giảm, miễn, thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc anh T chịu án phí giá ngạch là đúng pháp luật. Án phí anh T phải chịu là (98.000.000đ x 5%)= 4.900.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 26 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thanh P:

1. Buộc anh Vương Hữu T trả chị Trần Thanh P 98.000.000đ (chín mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Trần Thanh P, anh Vương Hữu T còn phải chịu lãi cho chị Trần Thanh P theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, nộp, giảm, miễn, thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc anh Vương Hữu T nộp 4.900.000đ (bốn triệu chín trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Trần Thanh P 2.450.000đ (hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít ngày 31/5/2019, lai số 0007055.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên án có mặt nguyên đơn Trần Thanh P, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Vương Hữu T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hồng Đ vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký

Huỳnh Văn Vĩnh